

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO Ở HUYỆN PÁC NĂM TỈNH BẮC KẠN

Ngô Xuân Hoàng*, Ninh Hồng Phấn

Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Pác Năm là một huyện nghèo nhất tỉnh Bắc Kạn và cũng là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước. Tính đến cuối năm 2008, toàn huyện còn 3.026 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo tương đương còn 56,15%, trong đó số hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 99%. Từ năm 2006 đến nay, nhiều chương trình giảm nghèo được triển khai tại Pác Năm. Các chương trình đã được triển khai bước đầu có kết quả và hiệu quả tốt, giúp người dân từng bước cải thiện cuộc sống và chủ động xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc trong huyện. Để phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 2010-2020, huyện Pác Năm cần tiếp tục thực hiện tốt chính sách về ưu đãi tín dụng cho người nghèo; Hỗ trợ về y tế cho các hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số và nhân dân sống tại các xã đặc biệt khó khăn; Tiếp tục hỗ trợ người nghèo về giáo dục và dạy nghề; Đẩy mạnh hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ nghèo; Thực hiện có hiệu quả dự án hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm; Thực hiện có hiệu quả dự án dạy nghề cho nông dân và dân tộc thiểu số; Thực hiện nhân rộng mô hình xóa đói giảm nghèo; Thực hiện tốt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo; Thực hiện dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo.

Từ khóa: giải pháp, chương trình, giảm nghèo, Pác Năm

ĐẶT VẤN ĐỀ

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư. Từ đầu thập niên 90, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện chính sách giảm nghèo thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo giai đoạn 1998-2002; Chương trình CTMTQG xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005; năm 2006-2010. Các chương trình trên được thực hiện với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống hộ nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch giữa thành thị - nông thôn, đồng bằng-miền núi, hộ giàu-hộ nghèo; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế - bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội, phát triển bền vững, thực hiện cam kết quốc tế (MDG). Sau hơn 10 năm triển khai chương trình đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ về giảm nghèo trong bối cảnh nguồn lực có hạn, đặc biệt đối với dân tộc thiểu số, dân nghèo nông thôn và dân nghèo thành thị.

Pác Năm là một huyện nghèo nhất tỉnh Bắc Kạn và cũng là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước. Theo số liệu thống kê năm 2006, với 3.112 hộ nghèo trên tổng số 5.148 hộ dân, tỷ lệ hộ nghèo của huyện tương đương là 60,45%. Tính đến cuối năm 2008, toàn huyện còn 3.026 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo tương đương còn 56,15%. Ngay từ những năm đầu mới tách lập huyện, tỉ lệ hộ đói nghèo của huyện là 72,77%. Huyện luôn phải đối phó với tình trạng tái nghèo với chiều hướng gia tăng do biến động của khí hậu thời tiết, thiên tai... liên tiếp xảy ra tại địa phương. Từ những nguyên nhân trên, đã kéo theo nhiều hệ lụy, đẩy mức nghèo ở huyện lên cao, nhất là số hộ rơi vào tình trạng tái nghèo trở lại, số hộ nghèo đang từ 2.717 của năm 2007, lên 3.026 hộ chiếm 56,15% (cuối năm 2008), trong đó số hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 99%. Từ năm 2006 đến nay đã có rất nhiều chương trình xóa đói giảm nghèo được triển khai tại huyện Pác Năm. Trong bài viết này chúng tôi muốn đề cập đến kết quả các chương trình giảm nghèo đã được triển khai thực hiện, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp giúp huyện Pác Năm hoàn thành tốt mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2010-2020.

* Tel: 0912 140868

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO TẠI HUYỆN PÁC NẬM 2006-2010

Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006-2008

- *Chương trình 135*: Tổng số vốn được đầu tư từ năm 2006 đến nay: 23.089,1 triệu đồng. Tổng số các công trình đã được đầu tư: 52 công trình. Cụ thể: Thủy lợi: 9 công trình, giao thông: 9 công trình, trường lớp học: 12 công trình, nước sinh hoạt: 4 công trình, các hạng mục khác: 12 công trình. Hỗ trợ phát triển sản xuất được trên 3 tỷ đồng.

+ *Chương trình kiên cố hóa trường lớp học*: 10/10 xã đã được kiên cố hóa trường lớp học, song chưa đáp ứng nhu cầu về lớp học hiện nay. Tổng số phòng học được đầu tư kiên cố: 48 phòng. Trong đó các công trình do Sở giáo dục làm chủ đầu tư: 17 phòng học, số còn lại do xã làm chủ đầu tư: 31 phòng học, với tổng số vốn được đầu tư đến nay là 4.199,3 triệu đồng. Hiện nay số công trình đã được đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học đáp ứng được 59,25% số phòng học, còn lại 152 phòng học còn tạm bợ (chiếm 40,75%) cần được đầu tư xây dựng mới (chưa kể làm nhà ở cho giáo viên tại các điểm phân trường).

+ *Chương trình vay vốn tín dụng ưu đãi*: Tổng số vốn đầu tư thực hiện: 16.460 triệu đồng, trong đó: đầu tư cho giao thông: 7 công trình (tổng số vốn thực hiện: 9.586,71 triệu đồng); thủy lợi: 11 công trình (tổng số vốn đầu tư thực hiện là: 6.873,35 triệu đồng).

+ *Chương trình đầu tư, nâng cấp trạm y tế xã*: Tổng số vốn đã được đầu tư: 618.800.000 đồng, trong đó sử dụng vốn 135/CP là 479.800.000 triệu đồng, còn lại là vốn SNKT có tính chất XD CB huyện. Số trạm y tế xã được đầu tư mới, nâng cấp: 04 trạm. Số công trình trạm y tế xã cần nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp: 06 trạm, cụ thể gồm trạm y tế các xã: Nghiên Loan, Xuân La, Nhạn Môn, Bằng Thành, Bộc Bó, Giáo Hiệu.

+ *Chương trình giao thông nông thôn*: Hiện nay 10/10 xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó 6/10 xã có đường rải nhựa, các

xã còn lại là đường rải cấp phối đã xuống cấp. Đối với giao thông cấp thôn bản chỉ có 10% số thôn bản có đường ô tô đến trung tâm thôn. Nhìn chung chất lượng đường giao thông tuyến xã, thôn bản hiện nay đều kém chất lượng, các tuyến đường đất, phương tiện giao thông chỉ đi lại được trong mùa khô.

- *Chương trình 134*: Tổng số kinh phí: 10.220 triệu đồng. Tổng số hộ được hỗ trợ về nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt là 4.098 lượt hộ, trong đó: Hỗ trợ 1.406 nhà ở; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 1.523 hộ; 08 công trình nước sinh hoạt tập trung với 343 hộ được hưởng lợi là 343 hộ, 03 trường học, 02 trụ sở UBND xã, 02 trạm y tế xã, 01 điểm bưu điện văn hóa xã; hỗ trợ 534 hộ (67,29 ha) khai thác đất sản xuất.

- *Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng*: Công tác bảo vệ rừng: đã giao bảo vệ được 4.974,78 ha rừng. Diện tích rừng đã bảo vệ phát triển tốt, có nhiều loại cây có giá trị, sinh thái rừng được ổn định. Khoanh nuôi phục hồi rừng: đã giao khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh được 6.464,74 ha. Rừng phát triển tốt cả về số lượng và chất lượng cây. Trồng rừng tập trung được: 1.137,24 ha. Loài cây trồng chủ yếu là mỡ, lát, trám hồi, keo, trúc... nhìn chung rừng phát triển tốt. Qua các năm thực hiện dự án cho thấy: phát triển lâm nghiệp là một trong những thế mạnh để người dân có thể sống và làm giàu từ nghề rừng, dự án đã góp phần phát triển kinh tế của địa phương, tạ việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân.

- *Chương trình xuất khẩu lao động*: Từ năm 2006 đến nay trên địa bàn huyện có 87 lao động tham gia xuất khẩu lao động trong đó có 30 lao động vay vốn nguồn cho vay xuất khẩu lao động với tổng mức vay là 483 triệu đồng (bình quân 16,1 triệu đồng/người). Nhu cầu tham gia xuất khẩu lao động trên địa bàn huyện hiện nay rất lớn, song điều kiện kinh tế của nhân dân còn nhiều khó khăn và không có điều kiện tiếp cận các thông tin, dịch vụ đi xuất khẩu lao động.

Bảng 01. Kết quả một số chương trình giảm nghèo tại huyện Pác Nặm giai đoạn 2006-2008

Chương trình	DVT	Số lượng	Tổng vốn (Tr đồng)
1. Chương trình 135			23.089,1
- Công trình thủy lợi	Công trình	9	
- Công trình giao thông	Công trình	9	
- Xây dựng trường, lớp học	Công trình	12	
- Nước sinh hoạt	Công trình	4	
- Khác	Công trình	12	
2. Kiên cố hóa trường lớp học	Phòng học	48	4.199,3
3. Vay vốn tín dụng ưu đãi	Công trình		16.460
- Giao thông		7	
- Thủy lợi	Công trình	11	
4. Đầu tư, nâng cấp trạm y tế xã	Trạm	4	628,8
5. Chương trình 134			10.220
- Hỗ trợ nhà ở	Nhà	1.406	
- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Hộ	1.523	
- Nước sinh hoạt tập trung	Công trình	8	
- Hỗ trợ khai thác đất sản xuất	Hộ	534	
6. Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng			
- Bảo vệ rừng	ha	4.974,78	
- Khoanh nuôi, phục hồi rừng	Ha	6.464,74	
- Trồng rừng	Ha	1.137,24	
7. Chương trình xuất khẩu lao động	Người	87	483
8. Chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm	Lao động	228	2.800
9. Chương trình tín dụng thực hiện thông qua ngân hàng CSXH và tổ chức đoàn thể	Hộ	3.314	43.082

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm

- Các chương trình tín dụng thực hiện thông qua Ngân hàng CSXH và các tổ chức đoàn thể: Từ năm 2006 đến nay tổng số hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn là 3.314 lượt hộ, mức bình quân 13 triệu đồng/hộ. Nhu cầu vốn vay trên địa bàn huyện trong thời gian tới là 6 tỷ đồng (bình quân 18 triệu đồng/hộ). Sau 3 năm thực hiện các chương trình, dự án triển khai trên địa bàn huyện về cơ bản đã đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân, chính sách phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Chủ trương chính sách của Đảng bước đầu đi vào cuộc sống của người dân, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2009-2010 (chương trình 30a)

- Chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng: Năm 2009, huyện Pác Nặm được giao 28.000 triệu đồng, gồm 25.000 triệu đồng vốn đầu tư và

3.000 triệu đồng vốn sự nghiệp. Năm 2010 huyện được giao 25.000 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 20 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 5 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển được sử dụng vào 2 nội dung chính là đầu tư cơ sở hạ tầng và đầu tư khai hoang, phục hóa đất sản xuất.

- Chương trình hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập: Về trồng trọt: Trong lĩnh vực trồng trọt, chương trình đã mở các lớp tập huấn về cách nhận biết và phòng trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen và chuột hại trên cây trồng tại 10 xã được 25/25 lớp, có 776 hộ nông dân tham gia tập huấn và xây dựng các mô hình khuyến nông. Các mô hình khuyến nông đã được thực hiện trên địa bàn huyện trong năm 2009-2010. Các mô hình khuyến nông chủ yếu là mô hình trồng các loại cây vụ đông nhằm mở rộng mùa vụ do người dân ít canh tác vào mùa đông nên chưa

tận dụng được đất sản xuất. *Về lâm nghiệp:* Trong năm 2009 huyện thiết kế diện tích giao khoán bảo vệ rừng được 3.394,31 ha có 383 hộ nghèo tham gia đồng thời đã tiến hành nghiệm thu, diện tích nghiệm thu đạt 3.390,31 ha, cơ quan chuyên môn đã giải ngân với kinh phí 390.342.600đ. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng huyện Pác Nặm năm 2010 với tổng kinh phí là 4.091.698.386 đồng, trong đó: Hỗ trợ trồng rừng và chăm sóc rừng năm thứ nhất là 3.029.080.428 đồng, hỗ trợ chăm sóc rừng trồng phòng hộ (năm 2,3,4) là 252.180.958 đồng, hỗ trợ khoán bảo vệ rừng là 430.920.000 đồng, hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên là 260.712.000 đồng, kinh phí chuyển giao khoa học công nghệ và khuyến lâm là 118.805.000 đồng. Đồng thời, giao khoán cho các hộ dân chăm sóc và bảo vệ gần 3.400 héc ta rừng với tổng kinh phí 390.342.600 triệu đồng. *Về chăn nuôi:* Đối với nội dung hỗ trợ làm chuồng trại, cải tạo ao nuôi trồng thủy sản, mua giống trâu, bò năm 2009 các xã Cổ Linh, Công Bằng, Nghiênn Loan đã nghiệm thu các nội dung cải tạo ao nuôi trồng thủy sản cho hộ nghèo, hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ mua giống trâu, bò cụ thể: Nghiênn thu 4 hộ cải tạo ao nuôi trồng thủy sản tại xã Cổ Linh, Công Bằng. Nghiênn thu 42 chuồng trại tại xã Công Bằng, Cổ Linh, Nghiênn Loan. Nghiênn thu chỉ tiêu hỗ trợ giống trâu, bò tại xã Cổ Linh: 10 con. Năm 2010 kế hoạch giao cho các xã 193 chuồng, hiện nay đã nghiệm thu được 108 chuồng tại 07 xã hiện còn 03 xã Xuân La, Cổ Linh, Cao Tân đang tiến hành nghiệm thu chỉ tiêu này. Hỗ trợ cải tạo ao nuôi trồng thủy sản cho các hộ nghèo đã nghiệm thu được 44 hộ với kinh phí thực hiện 44 triệu đồng. Các xã đang thực hiện mua trâu, bò giống cho hỗ trợ cho các hộ dân cụ thể đã hỗ trợ được 102 con trâu, bò cho 102 hộ với kinh phí thực hiện 776 triệu đồng.

- *Công tác cán bộ, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại:* Công tác cán bộ: Thực hiện Quyết định số: 3066/QĐ-UBND ngày 06/10/2009 của UBND tỉnh về tăng cường

cán bộ cho các xã và khuyến khích, thu hút tri thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia Tổ công tác tại các xã thuộc huyện Pác Nặm. Kết quả xây dựng kế hoạch, thực hiện các bước thủ tục tăng cường cán bộ cho cấp xã với số lượng đợt đầu là 10 người, nguồn tăng cường từ cán bộ trong biên chế khối UBND huyện 5 người, số còn lại do thiếu nguồn biên chế tăng cường từ huyện bố trí 01 cán bộ công chức cấp xã đảm trách, kế hoạch tuyển dụng tri thức trẻ tình nguyện công tác tại các xã 40 người. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2009. Tổng số kinh phí chi trả cho cán bộ tăng cường và tri thức trẻ tham gia tổ công tác tại các xã năm 2009 là: 464,5 triệu đồng. *Quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại:* Đang xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng trang thông tin quảng bá, giới thiệu nông lâm sản phẩm của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang báo Bắc Kạn. Năm 2010 huyện đã tuyển thêm 02 cán bộ và luân chuyển 06 cán bộ các phòng ban tăng cường cho các xã.. Tổng số kinh phí chi trả cho cán bộ tăng cường và tri thức trẻ tham gia tổ công tác tại các xã tính đến năm 2010 là 1.696.770.000 đồng.

- *Chương trình dạy nghề, nâng cao dân trí, xuất khẩu lao động:* Dạy nghề cho lao động nông thôn: Nhận biết được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ lao động trong nông thôn, huyện đã chủ động khảo sát nhu cầu của người học lẫn nhu cầu của thị trường, nhờ vậy các lĩnh vực được mở là lĩnh vực mà người lao động quan tâm nên thu hút được đông đảo người học. Năm 2009 căn cứ nguồn kinh phí phân bổ cho công tác dạy nghề Phòng Lao động - TBXH đã phối hợp với Trung tâm nghề công nông nghiệp Bắc Kạn triển khai thực hiện mở được 07 lớp dạy nghề cho 201 lao động nông thôn tại 2 xã Nghiênn Loan và Bằng Thành. Thời gian đào tạo nghề: 03 tháng/1lớp/1khóa. Nghề đào tạo: Kỹ thuật sản xuất phân vi sinh; Chăn nuôi gia súc gia cầm. Hết khóa học, tổ chức đánh giá kết quả học tập của học viên và cấp chứng chỉ nghề cho học viên theo quy định. *Xuất khẩu lao động:* Năm 2009 Công ty cổ phần Nhân

lực và thương mại VINACONEX phối hợp với huyện tổ chức đưa lao động xuất khẩu sang LIBI với số lượng 46 lao động. Năm 2010 Công ty cũng phối hợp với Ban chỉ đạo XKLD huyện tổ chức đưa lao động xuất khẩu sang LIBI và MACAO với số lượng 86 lao động trong đó có 78 nam và 08 nữ. Số lượng lao động được xuất khẩu qua 2 năm chưa cao là do người lao động vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc xuất khẩu lao động; thị trường chủ yếu của huyện vẫn là các nước có hợp tác lao động truyền thống lâu nay như Macao, Đài Loan, Libi... Do vậy, trong thời gian tới huyện cần đã đẩy mạnh công tác này thông qua việc thường xuyên tuyên truyền, phổ biến về lợi ích của xuất khẩu lao động, tổ chức đào tạo nghề cho người dân, mở rộng tìm kiếm thị trường, ban hành chính sách cho người lao động vay tiền để làm các thủ tục cần thiết đi xuất khẩu lao động.

Một số tác động của chương trình đến giảm nghèo và tạo việc làm cho nông hộ

Tình hình đói nghèo: Qua bảng 02 ta thấy thực trạng đói nghèo tại huyện Pác Nặm đã có những chuyển biến tích cực, cụ thể như sau: Số hộ thoát khỏi đói nghèo năm 2009 là 424 hộ, tăng 371 hộ (tương đương với 700%)

so với năm 2008. Năm 2010 số hộ thoát khỏi đói nghèo là 433 hộ, tăng 9 hộ (tương đương 3,12%) so với năm 2009. Số hộ tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh năm 2009 là 13 hộ, giảm 416 hộ (tương đương 96,97%) so với năm 2008. Số hộ nghèo ở nhà tạm năm 2009 là 410 hộ, giảm 122 hộ (tương đương 22,93%) so với năm 2009. Đặc biệt là trong năm 2010 100% số hộ nghèo đã được xóa nhà tạm giúp nâng cao đời sống của người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo và hộ tái nghèo của huyện, góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 50% theo mục tiêu của chương trình.

Lao động và việc làm: Tình hình lao động và việc làm của huyện cũng có những thay đổi rõ rệt, qua bảng 03 cho thấy, tổng số người có việc làm tăng 561 người trong đó: năm 2009 tăng 225 người, năm 2010 tăng 336 người. Số hộ nghèo được vay vốn cũng tăng từ 1.584 hộ năm 2008 lên 2.189 hộ vào năm 2010, giúp người dân có thêm vốn để phát triển sản xuất và cải thiện đời sống người dân được. Số lao động được học nghề tăng từ 794 người năm 2008 lên 2.549 người năm 2010 giúp nâng cao chất lượng người lao động của huyện, góp phần tăng cường phát triển kinh tế của địa phương.

Bảng 02. Tình hình đói nghèo của huyện sau 2 năm thực hiện chương trình

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	So sánh (%)	
					09/08 +-(A)	010/09 +-(A)
1. Dân số trung bình	Người	29.098	29.545	30.122	447	577
Trong đó: Dân tộc thiểu số	Người	28.845	29.279	29.912	434	633
2. Tổng số hộ	Hộ	5.204	5.389	5.448	185	59
- Số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia	Hộ	2.650	3.026	2.615	376	-411
- Số hộ thoát khỏi đói nghèo	Hộ	53	424	433	371	9
- S. hộ tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh	Hộ	429	13	14	-416	1
3. Số hộ ở nhà tạm	Hộ	532	410	0	-122	-410
Trong đó: Hộ nghèo	Hộ	532	410	0	-122	-410

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm

Bảng 03. Tình hình lao động và việc làm sau 2 năm thực hiện chương trình 30a

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	So sánh (%)	
						09/08	010/09
1	Số người trong độ tuổi lao động	người	14.880	15.234	15.774	102,38	103,54
	Tổng số người có việc làm	người	13.339	13.264	13.900	101,68	102,47
2	Số hộ được vay vốn tạo việc làm	hộ	2.900	3.273	3.923	112,86	119,85
	Trong đó hộ nghèo	hộ	1.584	2.128	2.189	134,34	102,86
3	Số lao động được học nghề	người	794	2.376	2.549	299,2	107,28

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm

Bảng 04. Mục tiêu giảm nghèo đến năm 2010-2020 của huyện Pác Nặm

TT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2020
1	Tổng số hộ	5.389	5.448	5.490	5.542	5.592	5.639	5.692	6.010
2	Số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia	3.026	2.615	2.196	1.718	1.342	1.015	740	480
3	Tỷ lệ (%)	56,15	48,00	40,00	31,00	24,00	18,00	13,00	8,00

Nguồn: Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Pác Nặm

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ GIẢM NGHÈO CỦA HUYỆN PÁC NẶM

Mục tiêu phát triển kinh tế của huyện: Để từng bước thực hiện công cuộc xoá đói, giảm nghèo được nhanh và bền vững, huyện xác định lấy nông lâm nghiệp làm chủ đạo, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp làm tiền đề. Do vậy trong những năm tới mục tiêu trước mắt tập trung vào sản xuất nông, lâm nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực, xoá được đói, giảm được nghèo một cách bền vững tiến tới làm giàu từ sản xuất lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc và ngành nghề khác. Tạo sự chuyển biến nhanh về đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, đảm bảo đến năm 2010 ngang bằng với các huyện khác trong khu vực. Hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp bền vững theo hướng phát triển hàng hoá, khai thác tốt thế mạnh của địa phương. Xây dựng kết cấu HTKT-XH phù hợp với đặc điểm của địa phương, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch đã được phê duyệt. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao dân trí, môi trường sinh thái được bảo vệ, ổn định về chính trị, quốc phòng-an ninh được giữ vững.

Dự kiến kết quả giảm nghèo giai đoạn 2010-2020: Mục tiêu đến năm 2015: giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 13%, tăng cường năng lực cho người dân và cộng đồng để phát huy lợi thế của địa phương, khai thác hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên, bước đầu phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá, mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm một cách thuận lợi. Đảm bảo giao thông thông suốt 4 mùa tới các xã. Lao động nông nghiệp còn 65% tổng số lao động xã hội, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đạt trên 45%. Mục tiêu đến năm 2020: giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống

dưới 10%, tăng năng lực cho người dân và cộng đồng, giải quyết cơ bản vấn đề việc làm, tăng thu nhập để nâng cao đời sống cho người dân. Lao động nông nghiệp còn khoảng 60%; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn trên 65%; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông thôn, hệ thống thuỷ lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất lúa có thể trồng cây 2 vụ, mở rộng diện tích cây rau màu, cây công nghiệp, cơ bản có đường ô tô tới các thôn, bản đã được quy hoạch, cung cấp điện cho hầu hết các khu dân cư, đảm bảo cơ bản điều kiện học tập chữa bệnh, sinh hoạt văn hoá, tinh thần cho người dân. Mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020 cụ thể như sau:

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA HUYỆN GIAI ĐOẠN 2010-2020

Vấn đề nâng chuẩn nghèo sẽ đặt ra những nhiệm vụ mới đòi hỏi cần sự tiếp tục vào cuộc và quyết liệt hơn của toàn Đảng bộ và nhân dân huyện Pác Nặm. Trong đó, cấp ủy, chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các giải pháp cụ thể, thiết thực, thực hiện công tác giảm nghèo; phát huy hơn nữa hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư ở vùng cao, vùng sâu. Trong thời gian tới nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra về xoá đói giảm nghèo, Huyện Pác Nặm cần tập trung giải quyết tốt và đồng bộ các vấn đề sau:

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách về ưu đãi tín dụng cho người nghèo

Cần đề nghị Nhà nước giảm lãi suất cho vay đối với hộ nghèo, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ít người và nâng mức vay, thời hạn cho vay cao hơn cho phù hợp với yêu cầu sản xuất. Cung cấp tín dụng cho người nghèo có sức lao động, có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, tăng thu nhập và để vượt nghèo. Chính sách được thực hiện đối

với đối tượng là hộ nghèo, ưu tiên chủ hộ là nữ, hộ có người tàn tật, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, có sức lao động, có nhu cầu vay vốn sản xuất kinh doanh, hộ mới thoát nghèo sẽ được hưởng chính sách thêm hai năm kể từ khi cấp xã công nhận thoát nghèo.

- Cung cấp tín dụng ưu đãi, chủ yếu là tín dụng quy mô nhỏ cho các hộ nghèo với thủ tục vay và thu hồi vốn đơn giản, thuận tiện nhanh chóng, phù hợp với người nghèo, áp dụng linh hoạt; phương thức cho vay chủ yếu là tín chấp thông qua hình thức nhóm tín dụng tiết kiệm hoặc các nhóm tương trợ tự nguyện của người nghèo và các đoàn thể xã hội, thời gian từ khi đăng ký vay đến khi nhận được tiền tối đa không quá 15 ngày. Món vay và thời gian vay phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân từ 5-7 triệu đồng/lần vay, nhưng tối đa không vượt quá 15 triệu đồng và không quá 5 năm, tùy vào từng vùng có thể cung cấp vốn vay bằng tiền hay hiện vật (như mô hình ngân hàng bò, cho vay vật tư nông nghiệp).

- Kết hợp chặt chẽ giữa tín dụng với hoạt động tiết kiệm giúp hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, đồng thời giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay thông qua tổ chức nhóm tín dụng - tiết kiệm để hạn chế tình trạng nợ đọng và sử dụng vốn không có hiệu quả.

- Phối kết hợp cung cấp tín dụng với khuyến nông, đào tạo nghề, hỗ trợ đất cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm... để vốn vay của người nghèo thực hiện có hiệu quả. Tăng cường cả số lượng và chất lượng cán bộ tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, nâng cao kỹ năng tiếp cận cộng đồng cho cán bộ tín dụng.

Hỗ trợ về y tế cho các hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số tại các xã đặc biệt khó khăn

- Củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nhất là y tế xã và thôn bản. Đầu tư toàn diện cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã, đào tạo đội ngũ cán bộ y, bác sĩ về làm việc ở trạm y tế cơ sở, thực hiện lồng ghép với "đề án nâng cấp trạm y tế và đầu tư cho các trung tâm giáo dục sức khỏe" để đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

- Miễn 100% chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo khi ốm đau đến khám chữa bệnh nội trú hay ngoại trú ở cơ sở y tế công lập và dân lập. Xác định các cơ sở y tế công lập và dân lập đủ tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ y tế.

Tiếp tục hỗ trợ người nghèo về giáo dục và dạy nghề

Đối tượng của chương trình là con em hộ nghèo và các thành viên khác của hộ nghèo trong độ tuổi đi học, trong đó ưu tiên con em các hộ nghèo dân tộc thiểu số và trẻ em tàn tật với mục đích hỗ trợ cho con em hộ nghèo được học tập bình đẳng như những học sinh khác, góp phần nâng cao trình độ văn hóa của người nghèo, nhằm xóa đói giảm nghèo bền vững.

- Miễn toàn bộ học phí (đối với các cấp học và bậc học phải đóng học phí) và các khoản đóng góp xây dựng trường cho học sinh thuộc con em các hộ nghèo là dân tộc thiểu số, trẻ em tàn tật.

- Giảm 50% học phí (đối với các cấp học, bậc học phải đóng học phí) và 50% các khoản đóng góp xây dựng trường cho học sinh là con các hộ nghèo khác. Hỗ trợ mua sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh là con các hộ nghèo dân tộc thiểu số và trường dân tộc nội trú.

Đẩy mạnh hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ nghèo

Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn nhằm hỗ trợ cho hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo dân tộc thiểu số về đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt để ổn định cuộc sống và thoát nghèo bền vững. Đối tượng của chương trình là các hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số định cư trên địa bàn huyện có khó khăn về đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt (thực hiện theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Về hỗ trợ đất sản xuất: Đối với những địa phương còn quỹ đất giao cho hộ đồng bào dân tộc với mức đất sản xuất tối thiểu là 0,5 ha đất nương rẫy hoặc 0,25 ha đất ruộng lúa

nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ; sử dụng giải pháp đào tạo nghề và tạo việc làm để nông dân không có đất chuyển đổi nghề khác có việc làm và thu nhập ổn định, gắn việc giao đất với khuyến nông và hỗ trợ tín dụng để giúp người dân sử dụng có hiệu quả đất được giao.

- Về hỗ trợ nhà ở: Đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số hiện nay nhà ở tạm bợ thì thực hiện phương châm nhà nước hỗ trợ một lần (5 triệu đồng/hộ), phần còn lại huy động giúp đỡ một phần và hộ nghèo tự lực một phần.

- Về nước sinh hoạt: Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cho các hộ nghèo sống phân tán ở vùng cao, núi đá khu vực khó khăn về nguồn nước sinh hoạt để đào giếng, xây bể dự trữ nước hoặc tạo nguồn nước sinh hoạt mức 01 triệu đồng/hộ.

Thực hiện có hiệu quả dự án hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm

- Trang bị kiến thức và kỹ năng ra các quyết định sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với thị trường, điều kiện tự nhiên và lợi thế cạnh tranh của địa phương.

- Trang bị kiến thức và kỹ năng về khuyến nông thông qua việc áp dụng khuyến nông có sự tham gia của người dân, hội nghị đầu bờ, tập huấn trên cơ sở mô hình thực tế, gắn kết chặt chẽ khuyến cáo các tiến bộ khoa học kỹ thuật với giới thiệu phương pháp tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến, hoạch toán kinh tế và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ việc hình thành và tổ chức hoạt động của các tổ chức khuyến nông tự quản, như câu lạc bộ khuyến nông, nhóm tín dụng tiết kiệm, nhóm nông dân cùng sở thích.

- Cung cấp các thông tin khoa học và kỹ thuật, thị trường cho nông dân, nhất là người nghèo, hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ khuyến nông ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn và thôn bản, có cơ chế phù hợp về tổ chức đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông cơ sở, đào tạo cán bộ khuyến nông thôn bản về phương pháp khuyến nông và phương pháp tiếp cận cộng đồng.

Thực hiện có hiệu quả dự án dạy nghề cho nông dân và dân tộc thiểu số

- Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu học nghề của người nghèo. Xây dựng kế hoạch đào tạo và hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn phù hợp để người nghèo có thể tự tạo ra cơ hội việc làm, ưu tiên các nghề có sử dụng tại chỗ hoặc thu nhập vào các doanh nghiệp và đi lao động ở nước ngoài.

- Gắn đào tạo nghề với tạo việc làm và cung cấp tín dụng, người học nghề được trợ giúp giới thiệu việc làm miễn phí. Hỗ trợ các trung tâm dạy nghề trang thiết bị dạy nghề phù hợp.

Thực hiện nhân rộng mô hình xóa đói giảm nghèo

Nhân rộng mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả góp phần giảm nhanh tốc độ giảm nghèo chung của tỉnh. Cần tổng kết đúc rút các mô hình đã triển khai thực hiện có hiệu quả trong những năm trước, kể cả các mô hình do các địa phương và các tổ chức đoàn thể tự huy động nguồn lực thực hiện; Duy trì và mở rộng có hiệu quả hiện có bằng nguồn lực của địa phương và chính các hộ nông dân; Đẩy mạnh việc tuyên truyền và hỗ trợ nhân rộng các mô hình có hiệu quả hiện có và mở rộng ra các lĩnh vực khác như chăn nuôi, chế biến thực phẩm, ưu tiên mô hình liên kết giữa các doanh nghiệp với các hộ nghèo phát triển vùng nguyên liệu.

Thực hiện tốt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo

Chương trình nhằm hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã nghèo với nội dung hoạt động như sau: Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới các công trình thiết yếu còn thiếu trên địa bàn, ưu tiên công trình phục vụ sản xuất, có tác dụng thiết thực đến xóa đói giảm nghèo như công trình thủy lợi, đường dân sinh, điện phục vụ sản xuất, chợ nông thôn... Sửa chữa và nâng cấp các công trình thiết yếu hiện có để phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. Xây dựng cơ chế phân cấp cho các xã làm chủ đầu tư thôn, bản quản lý, duy tu và sử dụng công trình đã được xây dựng.

Thực hiện dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo

Kiến toàn đội ngũ cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo cấp huyện, xã, thị trấn và trường thôn, bản; cán bộ tham gia công tác xóa đói giảm nghèo của các tổ chức đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh), đặc biệt là ưu tiên đội ngũ cán bộ cấp xã, thôn, bản ở các xã nghèo và vùng dân tộc thiểu số. Nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo ở các cấp. Phát triển chương trình nội dung và phương pháp đào tạo cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo một cách phù hợp với yêu cầu của đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ các đoàn thể xã hội các cấp và trường thôn, bản. Nội dung đào tạo cần tập trung vào nâng cao nhận thức, kỹ năng tổ chức thực hiện các chính sách, dự án, phát hiện nhu cầu của cộng đồng, xây dựng và lập kế hoạch dự án, quản lý dự án xóa đói giảm nghèo ở cơ sở, phương pháp có sự tham gia của người dân, kỹ năng lồng ghép giới trong hoạt động xóa đói giảm nghèo ở các cấp, huy động nguồn lực ở cộng đồng, thu thập thông tin và xây dựng dữ liệu nghèo đói ở cấp cơ sở; theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình, ngoài ra cán bộ xóa đói giảm nghèo cần được nâng cao kiến thức và kỹ năng sư phạm để tập huấn cho người dân, vận động cộng đồng.

KẾT LUẬN

Pác Nặm là một huyện nghèo nhất tỉnh Bắc Kạn và cũng là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước. Từ năm 2006 đến nay đã có rất nhiều chương trình xóa đói giảm nghèo được triển khai tại huyện Pác Nặm. Các chương trình tập trung vào thực hiện chính sách về hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, chính sách về giáo dục - đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí, chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo... Qua thời gian thực hiện, các chương trình đã giúp người dân từng bước cải thiện cuộc sống và chủ động xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc trong huyện. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế

mạnh của địa phương, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, nâng cao dân trí, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, quốc phòng...

Trong những năm tới để phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 2010-2020, huyện Pác Nặm cần tiếp tục thực hiện tốt chính sách về ưu đãi tín dụng cho người nghèo; Hỗ trợ về y tế cho các hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số và nhân dân sống tại các xã đặc biệt khó khăn; Tiếp tục hỗ trợ người nghèo về giáo dục và dạy nghề; Đẩy mạnh hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ nghèo; Thực hiện có hiệu quả dự án hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm; Thực hiện có hiệu quả dự án dạy nghề cho nông dân và dân tộc thiểu số; Thực hiện nhân rộng mô hình xóa đói giảm nghèo; Thực hiện tốt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo; Thực hiện dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm (2009), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Pác Nặm giai đoạn 2009 - 2020*.
- [2]. Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm (2006), *Báo cáo tổng kết và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Pác Nặm giai đoạn 2006-2010*.
- [3]. Sở lao động - TB&XH tỉnh Bắc Kạn (2011), *Báo cáo tiến độ thực hiện Đề án hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2011 trên địa bàn 2 huyện nghèo: Ba Bể, Pác Nặm theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ*.
- [4]. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (2009), *thông tư Số: 86/2009/TT-BNNPTNT Hướng dẫn xây dựng đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*.
- [5]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (2009), *Quyết định số 511/QĐ-UBND Về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ tại địa bàn huyện Pác Nặm*.
- [6]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (2009), *Quyết định số 439/QĐ-UBND Về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*

SUMMARY

MAJOR SOLUTIONS TO IMPLEMENT EFFECTIVELY THE POVERTY REDUCTION PROGRAMS IN PAC NAM DISTRICT, BAC KAN PROVINCE**Ngô Xuân Hoàng^{*}, Ninh Thi Hong Phan***College of Economics and Technology - TNU*

Pac Nam is one of the poorest districts of Bac Kan province and also one of the 62 poorest districts in the country. As of late 2008, the district had 3,026 poor households, the poverty rate was equivalent to 56.15%, of which the number of poor ethnic minority households accounted for 99%. From 2006 to now, many poverty reduction programs have been implemented in Pac Nam. The programs initially achieved good results and efficiency, helping people improve their lives step by step and begin reducing poverty in a sustainable way, creating a faster change faster in the material and mental life for the tribesmen in the district. To strive to implement successfully the objectives of poverty reduction during 2010-2020, Pac Nam district should continue to implement preferential policies on credit to the poor, provide medical supports for the poor, ethnic minorities and people living in particularly difficult social constraints; continue investing in education and vocational training; step up support of productive land, residential land, housing, clean water for poor households to effectively implement the project instructions on how doing business, agriculture and forestry; to be effective vocational training project for farmers and ethnic minorities; to replicate this model of poverty reduction; implement construction projects of infrastructure in poor communes; project implementation capacity building for staff working on poverty reduction.

Key words: *Solutions, programs, poverty reduction, Pac Nam*

^{*} Tel: 0912 140868